TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HS-ST
Ngày: 29-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hồng Đằng

Bà Phan Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Võ Tiểu M (tên gọi khác: Mụi), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thanh H (đã chết) và bà M Thị H (đã chết); bị cáo sống chung như vợ chồng với anh Lê Hoàng V, sinh năm 1992, ngụ tại ấp 4, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/5/2018. Bị cáo có mặt.

2. Trần Thị Tuyết T (tên gọi khác: Trâm), sinh ngày 24 tháng 01 năm 1993 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 5, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Minh S; bị cáo sống chung như vợ chồng với anh Huỳnh Bá C và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/5/2018. Bị cáo có

mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp 5, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

+ Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở hiện nay: Khu 12, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Bùi Viết C, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp 11, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Ấp 4, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Đào Văn T1, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Đinh Thành Đ, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay; Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/5/2018, Võ Tiểu M mượn xe mô tô biển số 66K1-275.16 của Nguyễn Hoài N để đưa cho Đào Văn T1 đi mua quần áo cho M. Do muốn có tiền trả nợ nên M nảy sinh ý định đem chiếc xe mô tô mượn của Nam cầm cố lấy tiền trả nợ và mua ma túy về bán kiếm lời.

Khoảng 17 giờ ngày 27/5/2018, M điện thoại cho Lê Hoàng V nhờ hỏi cho cầm xe mô tô trên với số tiền 10.000.000đ. Lúc này, Trần Thị Tuyết T đang ở cùng phòng trọ với Vinh ở tổ 5, khu 12, xã L, huyện L thì nghe được điện thoại của V nên nói chuyện với M và đồng ý nhận cầm cố chiếc xe trên với giá 3.500.000đ và lấy thêm 6.500.000đ tiền ma túy cho đủ 10.000.000đ. T đồng ý rồi kêu M chạy xe đến phòng trọ của T. Sau đó, T điện thoại cho một người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân) ở khu vực xã B, huyện L để mua thiếu một gói ma túy với giá 6.000.000đ, nam thanh niên này đồng ý và đem ma túy đến phòng trọ của T giao cho T.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, M điện thoại nhờ Đinh Thành Đ đến

nhà nghỉ Đoàn Gia thuộc ấp T, xã PT, huyện N để chở M đi cầm xe và nhờ Đào Văn T1 điều khiển xe mô tô biển số 66K1-275.16 đến gần trường cấp 3, xã P, huyện N để đưa xe cho M mượn đi cầm cố. Sau đó, M, Đ và T1 đem xe đến trước phòng trọ của T, M đưa xe mô tô cho T, T đưa 3.500.000đ và 01 gói ma túy có giá là 6.500.000đ cho M như đã thỏa thuận trước đó. Sau đó, M cất tiền và gói ma túy vào túi quần bên trái, sau đó Đ chở M và T1 về lại nhà nghỉ Đoàn Gia. Trên đường đi, M điện thoại cho N thông báo đã cầm chiếc xe của N được 10.000.000đ, N đồng ý và kêu M sớm chuộc xe lại cho N. T đem chiếc xe cầm cố của M cầm cố lại cho Bùi Viết C để lấy số tiền 10.000.000đ rồi T trả 6.000.000đ cho người nam thanh niên đã bán thiếu ma túy cho T, còn lại 4.000.000đ T tiêu xài.

Sau khi về nhà nghỉ Đoàn Gia, M trả cho người bạn tên Saly (không rõ nhân thân) số tiền 3.500.000đ. Đối với ma túy mua được, M cho một phần vào 06 gói nylon rồi hàn kín, phần còn lại M đựng trong 02 gói nylon hàn kín. Từ ngày 27/5/2018 đến ngày 30/5/2018, M đã bán 05 gói ma túy với giá 500.000đ/gói cho 05 người nghiện (không rõ nhân thân). Vào lúc 11 giờ 00 ngày 30/5/2018, tại nhà nghỉ Đoàn Gia, M bán 01 gói ma túy cho Nguyễn Hoài N với giá 300.000đ. Tổng số tiền M bán ma túy được 2.800.000đ. Vào lúc 22 giờ 30 ngày 30/5/2018, M mượn xe mô tô biển số 60C1-79.067 của Phạm Minh T và điều khiển trên đường thuộc ấp B, xã P thì bị lực lượng Công an xã P bắt quả tang và thu giữ trong người M 02 gói ma túy. Công an xã P lập biên bản phạm tội quả tang cùng tang vật và chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, còn xác định: Ngày 21/5/2018, M đến khu vực xã P, huyện L mua 01 gói ma túy của một người đàn ông tên Tý (không rõ lai lịch) với giá 1.500.000đ để chia nhỏ ra bán lại cho các người nghiện. Vào lúc 20 giờ 00 phút ngày 23/5/2018, tại cây xăng Tín Nghĩa thuộc xã H, huyện N, M bán 01 gói ma túy cho Nguyễn Hoài N với giá 300.000đ và lúc 23 giờ cùng ngày, tại ấp B, xã P, M đã bán 01 gói ma túy cho N với giá 500.000đ. Vào khoảng 14 giờ ngày 27/5/2018, tại nhà nghỉ Đoàn Gia, M đã bán cho N một gói ma túy với giá 300.000đ. Khoảng đầu tháng 4/2018, tại khu vực chợ Bắc, ấp Trầu, xã P, M đã bán cho Võ Lâm Yến N, sinh năm 1997 ngụ tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang 01 gói ma túy với giá 200.000đ.

Ngày 31/5/2018, Trần Thị Tuyết T đến Công an xã L, huyện L để tự thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 27/5/2018. T khai nhận: Sau khi thỏa thuận cầm xe mô tô của M, T đã mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân) 01 gói ma túy với giá 6.000.000đ, nên sau khi gặp M thì T đưa cho M 3.500.000đ và 01 gói ma túy với giá 6.500.000đ. T giữ xe mô tô của M đi cầm được 10.000.000đ.

Tang vật thu giữ gồm:

+ 02 gói nylon được hàn kín, bên trong chứa tinh thể màu trắng; 01 cân tiểu ly; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng chứa sim vinaphone; 01 xe mô

tô biển số 60C1-790.67 hiệu Honda; 01 xe mô tô biển số 66K1-275.16 hiệu Suzuki và số tiền 2.500.000đ của Võ Tiểu M.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen có gắn sim mobiphone, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng có gắn sim mobiphone của Trần Thị Tuyết T.

Tại bản kết luận giám định số 279/ PC54- GĐMT ngày 07/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng là 4,4533gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 109/CT.VKS-NT ngày 26/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Võ Tiểu M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), truy tố bị cáo Trần Thị Tuyết T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Võ Tiểu M từ 07 năm đến 08 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết T từ 24 đến 30 tháng tù.

+ Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng và số tiền 2.500.000đ của Võ Tiểu M và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng của Trần Thị Tuyết T là những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cân tiểu ly, 01 sim vinaphone, 02 sim mobiphone và toàn bộ ma túy còn lại sau giám định.

Đối với xe mô tô biển số 60C1-790.67 hiệu Honda; 01 xe mô tô biển số 66K1-275.16 hiệu Suzuki có giấy giấy tờ hợp lệ, chủ sở hữu không biết M sử dụng vào việc phạm tội nên đã được trả lại cho các chủ sở hữu.

Buộc Võ Tiểu M nộp 4.100.000đ và Trần Thị Tuyết T nộp 500.000đ tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

Các bị cáo Võ Tiểu M và Trần Thị Tuyết T không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo Võ Tiểu M tại phiên tòa: Bị cáo đã rút được bài học cho bản thân, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Thị Tuyết T tại phiên tòa: Bị cáo đã biết ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Võ Tiểu M và Trần Thị Tuyết T đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 27/5/2018, Võ Tiểu M mượn xe mô tô biển số 66K1-275.16 của Nguyễn Hoài N rồi cầm cố cho Trần Thị Tuyết T để mua của T một gói ma túy với giá 6.500.000đ và số tiền là 3.500.000đ. Sau đó, M đem gói ma túy về chia nhỏ bỏ vào trong 08 gói nylon và bán cho 05 người nghiện (không rõ nhân thân) với giá 500.000đ/gói, một gói M bán cho Nam với giá là 300.000đ vào lúc 11 giờ ngày 30/5/2018 tại nhà nghỉ Đoàn Gia, thuộc ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tổng số tiền thu lợi bất chính của M là 2.800.000đ. Số ma túy còn lại M đựng trong 02 gói nylon cất giấu trong túi quần. Đến 23 giờ ngày 30/5/2018, M điều khiển xe mô tô biển số 60C1-790.67 chạy trên đường thuộc ấp B, xã P, thì bị Công an xã P kiểm tra phát hiện và bắt quả tang cùng tang vật.

Quá trình điều tra còn xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến ngày 27/5/2018, Võ Tiểu M đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

+ Vào khoảng đầu tháng 4/2018, tại khu vực chợ Bắc, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Võ Tiểu M đã bán cho Võ Lâm Yến N (sinh năm 1997), ngụ tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang một gói ma túy với giá 200.000đ.

+ Vào lúc 20 giờ ngày 23/5/2018, tại cây xăng Tín Nghĩa, thuộc xã H, huyện N, M bán 01 gói ma túy cho Nguyễn Hoài Nam với giá là 300.000đ.

+ Vào lúc 23 giờ 00 ngày 23/5/2018, tại ấp B, xã P, huyện N, M bán 01 gói ma túy cho Nguyễn Hoài N với giá là 500.000đ.

+ Vào khoảng 14 giờ ngày 27/5/2018, tại nhà nghỉ Đoàn Gia, thuộc ấp T, xã P, huyện N, M bán 01 gói ma túy cho Nguyễn Hoài N với giá là 300.000đ.

Để có ma túy bán cho M, Trần Thị Tuyết T đã mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân) ở khu vực xã B, huyện L 01 gói ma túy với giá 6.000.000đ. Sau đó, T nhận cầm xe mô tô do M đem đến và bán lại gói ma túy cho M với giá 6.500.000đ và đưa cho M số tiền mặt là 3.500.000đ. T được hưởng lợi 500.000đ. Đến ngày 31/5/2018, T đến cơ quan công an để tự thú về hành vi phạm tội.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận bị cáo Trần Thị Tuyết T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sử đổi, bổ sung năm 2017); do bị cáo Võ Tiểu M nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều người nên phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sử đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy; làm lan tràn tệ nạn xã hội nghiện ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích có tiền để tiêu xài mà các bị cáo đã xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả xảy ra. Đối với bị cáo M đã thực hiện nhiều hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều người, còn bị cáo T thực hiện một hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên, các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo M và T không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo T tự thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng của Võ Tiểu M, 01 chiếc điện thoại di động hiệu samsung màu đen và 01 chiếc điện thoại di động hiệu

Oppo màu trắng của Trần Thị Tuyết T; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cân tiểu ly, 01 sim vinaphone, 02 sim mobiphone là những công cụ, phương tiện phạm tội.

+ Buộc bị cáo Võ Tiểu M phải nộp 4.100.000đ, bị cáo T nộp 500.000đ là tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong mẫu vật (ma túy) sau giám định số 279/PC54-GĐMT ngày 08/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Đồng Nai.

[8] Đối với người nam thanh niên bán ma túy cho T và người đàn ông tên Tý bán ma túy cho M, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Đối với Nguyễn Hoài N, Đào Văn T1, Đinh Thành Đ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Bùi Viết C là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 66K1-275.16 nhưng C không biết tài sản là vật chứng của vụ án và đã tự nguyện giao nộp lại xe cho Cơ quan công an và không yêu cầu T phải bồi thường nên không xem xét.

Đối với xe mô tô biển số 66K1-275.16 của anh Đào Văn T1 nhưng T không biết M mượn để đi cầm lấy tiền mua ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô biển số 60C1-790.67 của anh Phạm Minh T2 nhưng vì T2 không biết M mượn để đi bán ma túy và xe có giấy tờ hợp lệ nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo M và T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Tiểu M và bị cáo Trần Thị Tuyết T phạm tội "**Mua bán trái phép chất ma túy**".

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Võ Tiểu M 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 31/5/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 31/5/2018.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng của Võ Tiểu M; 01 chiếc điện thoại di động hiệu samsung màu đen và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng của Trần Thị Tuyết T.

+ Buộc bị cáo Võ Tiểu M phải nộp 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng) là tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước. Chi cục thi hành án dân sự huyện N đã thu giữ của bị cáo M số tiền 2.500.000đ theo biên lai số 009422 ngày 27/9/2018 nên buộc bị cáo M phải nộp thêm 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Trần Thị Tuyết T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong mẫu vật (ma túy) sau giám định số 279/PC54-GĐMT ngày 08/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Đồng Nai, 01 chiếc cân tiểu ly, 01 sim vinaphone và 02 sim mobiphone.

(Các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện N đang lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/9/2018).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo Võ Tiểu M và Trần Thị Tuyết T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm